

Ly hôn ở Việt Nam từ tiếp cận hiện đại hóa

Trần Thị Minh Thi*

Tóm tắt: Sau hơn bốn thập niên kể từ khi thống nhất đất nước, Việt Nam đã đạt được những kết quả tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội nổi bật. Nền kinh tế đã phát triển nhanh chóng, nâng cao mức sống của người dân, cải thiện cơ sở hạ tầng và đảm bảo ổn định xã hội. Đồng thời, các chính sách bình đẳng giới cũng nâng cao quyền và vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Với tốc độ hiện đại hóa nhanh những năm gần đây, xã hội đang có những chuyển đổi nhanh chóng. Hôn nhân và gia đình Việt Nam đang có những thay đổi từ mô hình truyền thống sang hiện đại và tính cá nhân rõ nét hơn.

Sử dụng các số liệu thống kê về ly hôn của Tòa án Nhân dân Tối cao đến năm 2018, và kết quả khảo sát về tác động của ly hôn năm 2018, bài viết này phân tích xu hướng và quy mô ly hôn ở Việt Nam trong khoảng 10 năm trở lại đây, phân tích khuôn mẫu ly hôn truyền thống và hiện đại qua phân tích xu hướng các lý do ly hôn qua các năm dưới tác động của hiện đại hóa. Bài viết cho thấy tính cá nhân, vốn rất bị hạn chế trong xã hội cũ, càng trở nên mạnh mẽ hơn trong cuộc sống hiện đại và trở thành một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến ly hôn tăng ngày nay⁽¹⁾.

Từ khóa: Hôn nhân; Gia đình; Ly hôn; Tiếp cận hiện đại hóa.

Ngày nhận bài: 9/9/2019; ngày chỉnh sửa: 23/9/2019; ngày duyệt đăng: 15/10/2019.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên vừa qua, hôn nhân và gia đình Việt Nam đã trải qua những biến chuyển quan trọng từ kiểu gia đình truyền thống sang hiện đại. Những thay đổi trong hôn nhân và gia đình được tin rằng có liên quan

* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

mất thiết tới quá trình hiện đại hóa. Hôn nhân sắp đặt, bất bình đẳng giới, chế độ gia trưởng và gia đình đông con theo văn hóa Nho giáo truyền thống đã giảm mạnh. Hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với nó là hội nhập và giao lưu văn hóa, giá trị, cũng góp phần đẩy mạnh những quan điểm cởi mở hơn về hôn nhân và gia đình Việt Nam, định hình lại lối sống cũng như các giá trị trong xã hội, trong đó có ly hôn. Quá trình hiện đại hóa đất nước đã giúp mỗi cá nhân thoát khỏi trói buộc về những quan niệm hôn nhân gia đình truyền thống, và người ta tin rằng xã hội Việt Nam đang chuyển dần sang lối sống hiện đại (Trần Thị Minh Thi, 2011, 2012).

Những giá trị truyền thống và hiện đại cùng song song tồn tại trong bối cảnh những giá trị mới chưa hoàn thiện trong khi những thiết chế cũ vẫn tồn tại là đặc điểm chung của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi hiện nay. Điều này có nghĩa là, một xu hướng trái ngược đang cùng hiện hữu, nơi mà rất nhiều giá trị truyền thống bị mất dần nhưng chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, những giá trị mới đang hình thành và mở rộng trong quá trình hiện đại hóa. Sử dụng các luận điểm từ lý thuyết hiện đại hóa, bài viết này phân tích xu hướng ly hôn ở Việt Nam hiện nay, phân tích các đặc điểm về giới, văn hóa, chu trình sống và đặc điểm nhân khẩu xã hội trong ly hôn ở đồng bằng Tây Nam Bộ hiện nay. Số liệu của bài viết được tính toán trên cơ sở các thống kê thụ lý và giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao, thống kê về dân số Việt Nam của Tổng cục Thống kê đến năm 2018. Bài viết cũng phân tích 30 nghiên cứu trường hợp ly hôn trong 10 năm trở lại đây được thực hiện năm 2018 tại Cần Thơ và Cà Mau trong khuôn khổ đề tài “Vấn đề ly hôn của các cộng đồng tộc người ở Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả xã hội”, mã số 504.05-2016.04, do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam (NAFOSTED) tài trợ.

2. Tiếp cận lý thuyết

Hiện đại và lý thuyết hiện đại hóa

Những thay đổi về hôn nhân, gia đình và ly hôn được cho là có quan hệ chặt chẽ với quá trình hiện đại hóa. Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, hiện đại hóa dường như có hai tác động trái ngược đến ly hôn. Sự phát triển kinh tế, cùng với hiện đại hóa và đô thị hóa, trong một giai đoạn ban đầu có thể làm giảm ly hôn trước khi góp phần làm tăng ly hôn ở những giai đoạn hiện đại hóa sau. Goode (1993) tin rằng hiện đại hóa và công nghiệp hóa có thể góp phần ổn định hôn nhân trong hệ thống xã hội ly hôn cao. John (1997, 2003) khẳng định rằng việc tăng cường tự chủ của giới trẻ và sự tự do ngày càng tăng trong việc lựa chọn bạn đời đã góp phần ổn định cuộc sống hôn nhân của các nước Đông Nam Á. Ông cũng chỉ ra rằng ở một số nước, đặc biệt như Arab, Algeria và Nhật Bản, tỉ lệ ly hôn đã giảm mạnh trong thời kỳ công nghiệp hóa.

Tuy nhiên, xét về lâu dài, xu hướng phát triển đồng đều trong quá trình hiện đại hóa và sự suy giảm của chế độ gia trưởng sẽ mang tác động ngược lại. Goode (1963 and 1993) khẳng định rằng hiện đại hóa là nguyên nhân sâu xa của tỷ lệ ly hôn tăng. Vị thế phụ nữ, trao quyền cho phụ nữ tăng lên tạo ra những môi trường văn hóa - xã hội làm cho ly hôn trở nên dễ dàng và được chấp nhận hơn. Sự độc lập về kinh tế của phụ nữ, quy mô gia đình nhỏ hơn, những tư tưởng về sự chủ động trong cuộc sống có thể làm cho các mối quan hệ trở nên kém bền vững hơn. Hôn nhân hiện đại dựa trên tình yêu và cảm xúc có thể ít bền vững hơn hôn nhân dựa trên những mối quan hệ kinh tế - xã hội. Những định kiến hay kỳ thị về ly hôn, cũng như sự can thiệp của gia đình vào cuộc sống cá nhân giảm dần và đến lượt nó làm tăng mức độ ly hôn ở xã hội hiện đại (Goode, 1971). Như vậy, hiện đại hóa có thể làm tăng tỷ lệ ly hôn và hệ thống giá trị truyền thống có thể làm cho ly hôn khó khăn và có tác động tiêu cực đến tỷ lệ ly hôn.

Gia đình hiện đại, được xác định là có mức độ cao của chủ nghĩa cá nhân, địa vị cao của phụ nữ, hôn nhân tự nguyện, sự tự lập cao của giới trẻ, các hộ gia đình nhỏ và mức sinh thấp; và xã hội hiện đại, được định nghĩa là công nghiệp hóa, đô thị hóa, có học vấn cao, và với công nghệ trình độ cao (Thornton, 2001) không chỉ giải thích bằng lý thuyết hiện đại hóa. Thay đổi xã hội gây ra những thay đổi trong gia đình và những thay đổi trong gia đình đến lượt mình lại gây ra những thay đổi xã hội. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong hình thành và điều chỉnh những khuôn mẫu hôn nhân và gia đình bằng việc ban hành những văn bản pháp luật và những chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Các yếu tố hiện đại hóa ảnh hưởng đến khuôn mẫu hôn nhân và ly hôn chủ yếu thông qua sự phát triển kinh tế, phát triển hệ thống giáo dục và việc làm, giao lưu văn hóa dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế (Trần Thị Minh Thi, 2014).

Ngoài những tác động của hiện đại hóa, các giá trị truyền thống và phong tục về hôn nhân và gia đình cũng góp phần quan trọng hình thành nên những khuôn mẫu chuẩn mực mới. Những yếu tố này có thể điều chỉnh những tác động của hiện đại hóa đến hôn nhân và gia đình ở nhiều xã hội. Việc bảo lưu những giá trị truyền thống trong quá trình hiện đại hóa là quan trọng trong bảo vệ hệ thống gia đình khỏi những áp lực của hiện đại hóa (Cho and Yada, 1994).

Hiện đại “rút ngắn” ở Việt Nam

Gia đình Việt Nam thường được chia làm hai dạng cơ bản: gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Gia đình truyền thống là một cụm từ khá quen thuộc thường chỉ những kiểu gia đình trong thời kỳ phong kiến, khoảng trước 1950. Hôn nhân gia đình hiện đại có thể coi bắt đầu từ năm 1959, với sự ra đời của bộ luật đầu tiên về hôn nhân gia đình, với những đặc trưng như bình đẳng giới, hôn nhân tự nguyện, một vợ một chồng.

Nét văn hóa truyền thống của Việt Nam trước năm 1945 chịu ảnh hưởng của chế độ phong kiến và thuộc địa trong khi Việt Nam hiện đại liên quan tới quá trình quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội mà bỏ qua giai đoạn tích lũy tư bản. Quá trình hiện đại hóa theo đường tắt này không chỉ liên quan tới việc bỏ qua giai đoạn sản xuất công nghiệp tư bản mà còn phản ánh yếu tố cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là chiến lược đi tắt đón đầu – quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp tận dụng lợi thế của các nước phát triển sau. Đây là một nền hiện đại “rút ngắn”, vì không chỉ mang đặc điểm là bỏ qua một giai đoạn phát triển trong lịch sử, là chủ nghĩa tư bản, mà còn chỉ những đặc điểm cơ bản của hiện đại hóa và công nghiệp hóa ở Việt Nam, là chiến lược “đi tắt, đón đầu” rút ngắn thời gian, một quá trình chuyển đổi nhanh từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và tận dụng lợi thế của “người đi sau” để phát triển kinh tế xã hội.

Nét đặc trưng của quá trình đi tắt đón đầu của Việt Nam hiện thời kết hợp giữa hiện đại hóa lần thứ nhất, đặc trưng bởi sự phát triển của gia đình hạt nhân, tính tập thể cao, tỷ lệ đi làm cao, hiện đại hóa lần hai với các đặc trưng như công nghiệp hóa, nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa trong văn hóa (Beck, 1992).

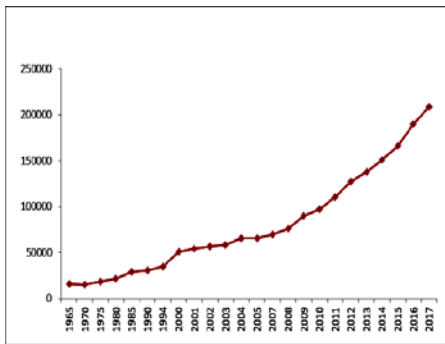
Trong một thời gian khá dài, tốc độ hiện đại hóa và công nghiệp hóa của Việt Nam bị chậm lại do chiến tranh và khủng hoảng kinh tế - xã hội đầu những năm 1980, và quá trình này đã được đẩy nhanh và mạnh hơn từ sau đổi mới năm 1986. Công nghiệp hóa và hiện đại hóa trở thành một khái niệm phổ biến và quen thuộc trong các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Quá trình hiện đại hóa ở Việt Nam đang chứng kiến sự duy trì của những giá trị truyền thống và sự xuất hiện của những giá trị hiện đại mới.

Trong quá trình đó, gia đình trải qua những biến đổi quan trọng về chức năng, cấu trúc, mối quan hệ, trong đó, nhiều giá trị gia đình biến đổi, xuất hiện đồng thời với quá trình bảo lưu các giá trị cũ. Trong các nghiên cứu của Trần Thị Minh Thi (2011, 2012, 2014) về ly hôn ở Việt Nam, các chiều cạnh “hiện đại” của quá trình ly hôn đã được chỉ ra. Kết quả nghiên cứu về ly hôn ở đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2000-2009 cho thấy, người trẻ ly hôn nhiều hơn, thể hiện xu hướng tăng lên của chủ nghĩa cá nhân (Trần Thị Minh Thi, 2014). Ví dụ, những cặp vợ chồng ở khu vực thành thị thường ly hôn vì những lý do mang tính cá nhân cao như khác biệt lối sống, không hợp, ngoại tình cao. Trong khi đó, những cặp vợ chồng ở nông thôn thường ly hôn vì những lý do mang tính “truyền thống” nhiều hơn như khó khăn kinh tế, bạo lực gia đình, không con cái, mâu thuẫn mẹ chồng - nàng dâu, hôn nhân có yếu tố sắp đặt, v.v.

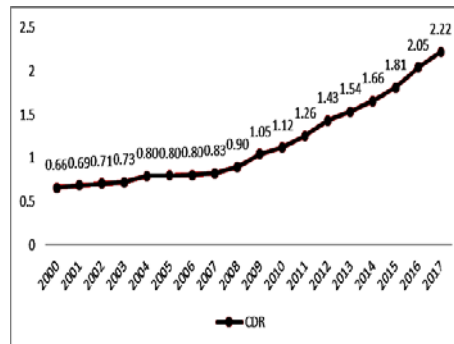
3. Ly hôn ở Việt Nam đang tăng lên trong quá trình hiện đại hóa

Ly hôn ở Việt Nam đang tăng lên cả về số lượng và tỷ lệ. Trong những năm 1960 và 1970, số lượng các cuộc ly hôn là khoảng 15.000 trường hợp mỗi năm. Ly hôn tăng nhẹ vào những năm 1980 và 1990, sau đó bắt đầu tăng nhanh vào những năm 2000. Sau mỗi khoảng mười năm, số lượng các trường hợp ly hôn lại gấp đôi. Tương tự, tỷ lệ ly hôn ở Việt Nam đang tăng nhanh (Hình 1). Năm 2000, CDR⁽²⁾ là 0,66 và tăng lên 2,22 vào năm 2017 (Hình 2). GDR⁽³⁾ đã tăng từ 0,97 năm 2000 lên 2,69 vào năm 2017 (Hình 3). Chính sách của nhà nước về hôn nhân, gia đình và bình đẳng giới nâng cao vị thế kinh tế - xã hội cho phụ nữ; quá trình phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với hiện đại hóa và công nghiệp hóa; và sự hội nhập quốc tế làm biến đổi và xuất hiện nhiều giá trị mới là các yếu tố góp phần giải thích xu hướng ly hôn ở Việt Nam hiện nay.

Hình 1. Số cuộc ly hôn ở Việt Nam 1965-2017



Hình 2. Tỷ lệ ly hôn thô (CDR) của Việt Nam 2000-2017



Trong một thời gian dài, tư tưởng Nho giáo và hôn nhân phong kiến, bao gồm hôn nhân sắp đặt, tình cảm nam nữ hạn chế trước khi kết hôn, tư tưởng trọng nam khinh nữ, học vấn thấp khiến cho vị thế của phụ nữ thấp. Bên cạnh đó, những đặc điểm riêng về lịch sử có các cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho dân tộc đặt trách nhiệm chăm sóc con cái và gia đình lên phụ nữ để nam giới chiến đấu trên chiến trường và tính tập thể rõ nét cũng góp phần làm ly hôn ở Việt Nam những năm 1960-1970 thấp. Văn hoá tập thể của Việt Nam bắt nguồn từ hệ tư tưởng Khổng giáo, được định hướng mạnh mẽ xung quanh gia đình và cộng đồng, được thúc đẩy ở mọi thế hệ từ nhu cầu huy động sức mạnh tập thể cho những cuộc chiến tranh bảo vệ tự do và độc lập trong nhiều thế kỷ của Việt Nam (Trần Thị Minh Thi, 2015). Nền văn hóa mang tính tập thể thường có tỷ lệ ly hôn thấp hơn so với các nền văn hóa theo chủ nghĩa cá nhân (Oyserman và cộng sự, 2002) do mức độ khoan dung với ly hôn thấp nên các cặp đôi phải trải qua

một thủ tục rất phức tạp để ly hôn. Mục tiêu của phụ nữ trong văn hóa tập thể có nhiều khả năng là hôn nhân và trẻ em, trong khi mục tiêu của phụ nữ ở các nước theo chủ nghĩa cá nhân có nhiều khả năng thành công trong sự nghiệp. Do đó, phụ nữ thuộc văn hóa tập thể có nhiều khả năng hài lòng với hôn nhân hơn phụ nữ trong các nền văn hóa cá nhân.

Với sự ra đời của Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên năm 1959, các hình thức hôn nhân phong kiến bị chấm dứt, hôn nhân hiện đại được hình thành dựa trên tình yêu, một vợ một chồng. Các chính sách, pháp luật thúc đẩy bình đẳng giới liên tục ở Việt Nam, và vai trò quan trọng của phụ nữ trong lực lượng lao động đã giúp tiếng nói và vị thế của phụ nữ tăng lên. Ngày càng nhiều phụ nữ bước ra khỏi các cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Tuy nhiên, sau thống nhất đất nước, khó khăn kinh tế sau chiến tranh, khủng hoảng xã hội do chế độ tập trung, quan liêu bao cấp cũng như bị bao vây cấm vận về kinh tế đã cản trở hiện đại hóa và nhận thức xã hội về hôn nhân mang tính hiện đại.

Đổi mới năm 1986 mang đến tư duy mới, chuyển nền kinh tế từ tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế trong thời kỳ đi tắt, đón đầu hiện đại hóa. Tính tập thể yếu dần và tính cá nhân cao dần trong các giá trị hôn nhân và gia đình (Trần Thị Minh Thi, 2019). Hiện đại hóa mang lại cho cá nhân mức độ tự chủ cá nhân cao hơn trong đời sống hôn nhân và gia đình. Nền tảng của chủ nghĩa cá nhân nằm ở quyền của cá nhân theo đuổi hạnh phúc của chính mình. Việc theo đuổi này đòi hỏi một mức độ độc lập lớn, chủ động và tự chịu trách nhiệm. Ly hôn đang trở thành một sự phản ánh các quyết định tự chủ và hợp lý để theo đuổi hạnh phúc cá nhân.

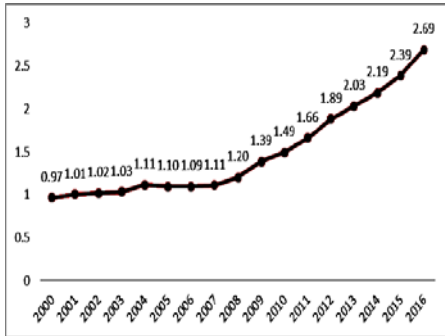
Đô thị hóa thông qua phát triển kinh tế thúc đẩy không chỉ làm biến đổi gia đình mà còn thay đổi cách tìm kiếm bạn đời. Mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng của tập quán hôn nhân sắp đặt, những thay đổi lớn về pháp lý liên quan đến hôn nhân và gia đình, và nhất là mở cửa hội nhập sau Đổi mới cùng quá trình hiện đại hóa đã thực sự đưa hôn nhân của người dân là tự nguyện dựa trên tình yêu nhưng không đồng nghĩa với việc ly hôn giảm đi do hôn nhân tình yêu dựa vào cảm xúc có thể không bền chặt như các hôn nhân dựa trên các quan hệ kinh tế, chính trị, nhất là hôn nhân tình yêu được đặt trong bối cảnh bình đẳng giới ở Việt Nam đang có nhiều bước tiến bộ trong khẳng định vị thế của phụ nữ trong học vấn, việc làm và gia đình.

4. Lí do ly hôn chuyển mạnh sang hiện đại hóa và chủ nghĩa cá nhân

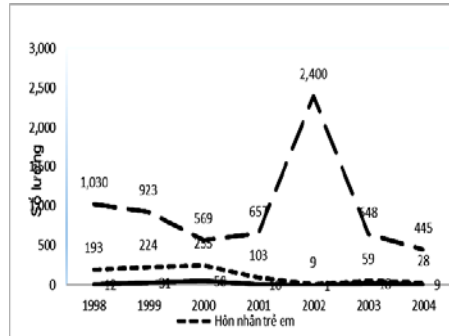
Ở Việt Nam, ly hôn được phân xử dựa trên cơ sở có lí do dẫn đến ly hôn do các cặp vợ chồng nêu ra. Các nhóm lí do chính bao gồm khác biệt lối sống (bắt đầu được ghi nhận là lí do tại các hồ sơ ly hôn từ năm 2007 đến nay), bạo lực gia đình, ngoại tình, không con, khó khăn kinh tế, nghiện

ngập hoặc tệ nạn xã hội, và một số lí do khác quan như mất tích hay tù tội, v.v. Hiện nay, tuyệt đại đa số các cặp vợ chồng nêu lí do ly hôn là mâu thuẫn lối sống, sau đó là bạo lực gia đình, nghiện ngập, ngoại tình, khó khăn kinh tế, xa cách, không con và một số lí do khác (Tòa án nhân dân tối cao, 2018). Tuy nhiên, theo tiến trình thời gian, các lí do ly hôn ở Việt Nam có sự biến đổi rõ nét theo hướng chuyển từ ly hôn kiểu cũ sang ly hôn hiện đại, thể hiện sự ảnh hưởng của hiện đại hóa, của chủ nghĩa cá nhân đến ly hôn.

Hình 3. Tỷ lệ ly hôn chung (GDR) của Việt Nam giai đoạn 2000-2016



Hình 4. Ly hôn liên quan đến hôn nhân phong kiến, 1998-2004

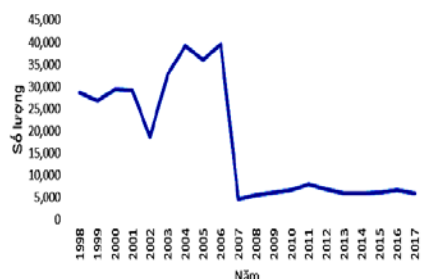


Trước tiên, các cuộc ly hôn có liên quan đến hôn nhân phong kiến và lạc hậu như hôn nhân cưỡng ép, đa thê, hay hôn nhân trẻ em có xu hướng giảm mạnh theo thời gian (Hình 4). Các cuộc ly hôn này chủ yếu được ghi nhận trong các số liệu thống kê của tòa án trước năm 2004, từ 2005 đến nay, các vụ ly hôn loại này không xuất hiện trong các báo cáo thống kê, nguyên nhân quan trọng là thực tiễn xã hội đã giảm mạnh các cuộc hôn nhân này.

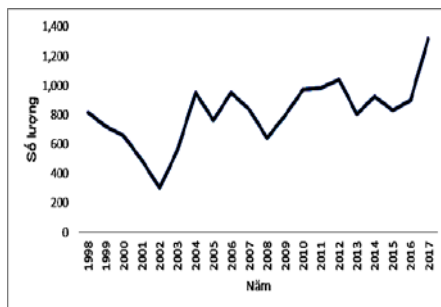
Hai là các cuộc ly hôn xuất phát từ nền văn hóa gia trưởng, chẳng hạn như do bạo lực gia đình, có xu hướng giảm mạnh (Hình 5). Trước năm 2007, ly hôn do bạo lực gia đình khá cao nhưng có bước rơi đột ngột giảm mạnh từ năm 2007, từ khoảng 40.000 vụ xuống còn khoảng 5.000 vụ. Đây là thời điểm Luật Phòng chống bạo lực gia đình bắt đầu có hiệu lực, thể hiện bước chuyển nhận thức của toàn xã hội về phòng chống bạo lực gia đình, nhất là bạo lực từ người chồng đối với người vợ. Sau 2007, số các cuộc ly hôn vì bạo lực gia đình duy trì, không có xu hướng giảm tiếp. Bạo lực gia đình thường là chồng đánh vợ. Các nghiên cứu trường hợp và phỏng vấn sâu cho thấy người vợ thường không yêu cầu ly hôn ngay trong lần đầu tiên bị chồng đánh mà ly hôn vì bạo lực gia đình thường là loại bạo lực nghiêm trọng, liên tục và không có dấu hiệu dừng lại từ chồng đối với vợ. Có nhiều lí do để phụ nữ chấp nhận im lặng khi bị bạo hành, như để giữ

gia đình yên ả, vì tương lai con cái, hay vì xấu hổ không dám nói. Vì thế, nhiều người chồng cho mình “quyền” được đánh vợ nếu vợ không nghe lời hoặc thỏa mãn họ.

Hình 5. Ly hôn do mâu thuẫn, bị đánh đập ngược đãi, 1998-2017



Hình 6. Ly hôn do không con, bệnh tật, 1998-2017

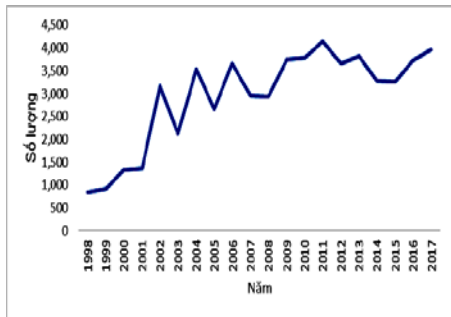


Ba là ly hôn do không có con cái. Cuộc hôn nhân không con cái thường sẽ chấm dứt bằng ly hôn trong khi ở gia đình đông con, cha mẹ có thể sẽ phải đối mặt với gánh nặng kinh tế - giáo dục trong việc nuôi dạy con, đặc biệt là ở nông thôn (Tilson and Larsen, 2000). Thành phần giới tính của con cái ở những gia đình sắp tan vỡ có thể khá quan trọng ở những xã hội thích con trai (Bose and South, 2003). Trong gia đình Việt Nam hiện đại, con cái vẫn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hôn nhân và gia đình. Tuyệt đại đa số các cặp vợ chồng khi kết hôn đều mong muốn có con và thực tế số con bình quân của các cặp vợ chồng hiện nay là 2,24 con. Con cái mang các giá trị an sinh xã hội, giá trị kinh tế thể hiện ở nguồn lao động, giá trị tâm lý tình cảm và giá trị xã hội. Đặc biệt, giá trị tình cảm của con cái là quan trọng nhất trong các gia đình hiện nay. Việc có con hướng đến thỏa mãn nhu cầu tình cảm của cá nhân nhiều hơn là đáp ứng nhu cầu của cha mẹ hai bên, của người ngoài (Trần Thị Minh Thi, 2019). Vì thế, số liệu về ly hôn trong hai thập niên qua cho thấy, ly hôn do không có con là một nguyên nhân đáng kể và có xu hướng duy trì khá bền vững trong nhiều năm (Hình 6). Không có con là nguyên nhân truyền thống của ly hôn, điều này cho thấy giá trị của việc có con của người Việt Nam.

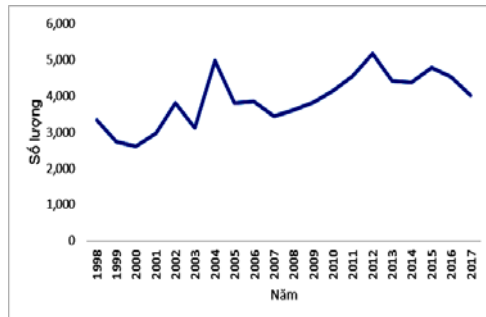
Bốn là ly hôn do khó khăn kinh tế (Hình 7). Lý do khó khăn kinh tế gây ra ly hôn có xu hướng giảm dần. Điều này dường như tương ứng tốt với sự tăng trưởng kinh tế gần đây tại Việt Nam. Tuy nhiên, xu hướng tăng và giảm ly hôn do khó khăn kinh tế không rõ ràng trong hai mươi năm qua cho thấy tính nhiều mặt của lý do này. Khó khăn trong kinh tế liên quan tới bất ổn trong hôn nhân (Conger và cộng sự, 1990; Trần Thị Minh Thi, 2012). Các vấn đề kinh tế sẽ làm dấy lên những khó khăn khác nếu vợ

chồng gặp những áp lực tâm lý khi nhận ra rằng nguồn lực của gia đình không còn đủ để duy trì một mức sống mong đợi. Chất lượng hôn nhân kém sẽ làm tăng sự bất ổn gia đình bởi rõ ràng rằng cảm giác thiếu hạnh phúc hay bất mãn với cuộc hôn nhân thường sẽ được theo sau bởi những suy nghĩ và hành vi dẫn đến ly hôn (Teachman và cộng sự, 1987). Kinh tế khó khăn hay đi cùng với việc đàn ông nghiện rượu, sử dụng ma túy và cờ bạc. Khó khăn kinh tế cũng liên quan đến bạo lực gia đình, một nguyên nhân chính dẫn đến ly hôn ở khu vực nông thôn. Di cư và mối liên hệ của nó với quan hệ tình dục ngoài hôn nhân cũng được đưa ra như một nguyên nhân dẫn đến ly hôn. Ngoài ra còn có các yếu tố truyền thống hơn liên quan đến quyết định ly hôn, chẳng hạn như các vấn đề liên quan đến việc sống chung với bố mẹ chồng như căng thẳng trong mối quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu và truyền thống đa thê.

Hình 7. Ly hôn do khó khăn kinh tế, 1998-2017



Hình 8. Ly hôn do ngoại tình, 1998-2017



Trước năm 2000, số liệu cho thấy ly hôn vì khó khăn kinh tế vẫn có nhưng không cao với khoảng dưới 1.500 cuộc ly hôn vì lí do này mỗi năm. Ngay sau thời kỳ Đổi mới, với chính sách mở cửa hội nhập, kinh tế Việt Nam phát triển, mức sống của gia đình tăng lên nhiều so với thời kỳ khó khăn những năm 1980 và đầu 1990. Vì thế, khó khăn kinh tế không phải là nguyên nhân tan vỡ của các gia đình vào thời gian này do tâm lý hài lòng chung và giải phóng các cơ hội hoạt động kinh tế. Đầu những năm 2000, khi Việt Nam bắt đầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, thì những áp lực từ đời sống hiện đại như nhu cầu nhà ở, việc làm, thu nhập, áp lực cuộc sống, v.v. bắt đầu tác động trực tiếp đến các gia đình, nhất là gia đình trẻ. Mức sống của xã hội càng cao, nhu cầu về vật chất, chi tiêu của các gia đình cho các lĩnh vực càng cao, trong khi giá cả nhiều lĩnh vực như nhà ở tăng liên tục, khiến nhiều gia đình trẻ gặp khó khăn lớn trong đảm bảo cuộc sống, nhất là khu vực đô thị. Vì thế, nếu như những năm trước và ngay sau đổi mới, ly hôn vì khó khăn kinh tế chủ yếu là do

nghèo đói, thì những năm gần đây, ly hôn vì khó khăn kinh tế thường gắn liền với áp lực giữa thu nhập thấp và nhu cầu chi tiêu cao, giữa cân bằng công việc và chăm sóc con cái của xã hội hiện đại, dẫn đến xung đột và không hài lòng trong hôn nhân trong bối cảnh chủ nghĩa cá nhân và nhu cầu vật chất tăng cao. Các nghiên cứu trường hợp cho thấy, lí do này có thể dẫn đến lí do khác của ly hôn. Một cuộc ly hôn có thể bao gồm tổng hợp của nhiều lí do khác nhau, ví dụ, kinh tế khó khăn có thể gây ra bạo lực gia đình, xung đột quan hệ vợ chồng.

Năm là ly hôn do ngoại tình và được coi là ly hôn của xã hội hiện đại khi chủ nghĩa cá nhân ngày càng cao (Hình 8). Đây là một trong những lí do đáng kể dẫn đến ly hôn ở nhiều gia đình. Ly hôn vì ngoại tình tăng giảm theo từng giai đoạn trong hai thập niên qua nhưng nhìn chung là có xu hướng tăng nhẹ qua các năm. Đầu những năm 2000, ly hôn vì ngoại tình thấp hơn, có thể do các cặp vợ chồng còn giữ suy nghĩ truyền thống về hôn nhân, gia đình trong bối cảnh dư luận xã hội liên quan đến ngoại tình còn khắt khe. Theo thời gian, cùng với tiến trình hiện đại hóa, các cá nhân có thể ngày càng cởi mở hơn về tình dục, tình yêu và hạnh phúc. Họ có thể tìm kiếm một mối quan hệ ngoài hôn nhân và sẵn sàng chia tay để tìm hạnh phúc mới.

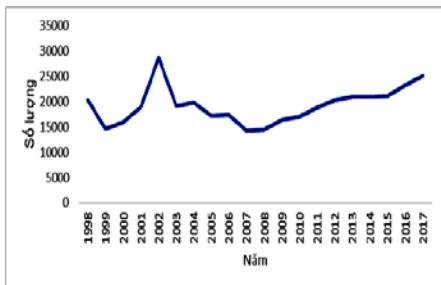
Tỷ lệ phụ nữ tham gia thị trường lao động cao và di cư tăng lên trong những năm qua có thể là bối cảnh xã hội quan trọng. Trong quá trình hiện đại hóa và đô thị hóa, nhiều gia đình đã di cư để có được một sinh kế tốt hơn cho gia đình, mở ra những cơ hội mới về việc làm, thu nhập, giáo dục và các dịch vụ xã hội cho nhiều hộ gia đình nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Các dòng di cư hầu hết là trong nhóm trẻ tuổi từ 15 đến 34 tuổi, theo hướng nông thôn - đô thị do các cơ hội việc làm và dịch vụ xã hội ở đô thị tốt hơn nông thôn. Tỷ trọng luồng di cư từ nông thôn ra thành thị tăng lên. Số lượng di cư xuất khẩu lao động nước ngoài ở Việt Nam cũng tăng lên trong những năm qua (Cục Quản lý lao động ngoài nước, 2019). Di cư mang lại lợi ích kinh tế cho các thành viên gia đình từ tiền gửi về. Di cư tới các khu vực thành thị phát triển hơn cũng góp phần tạo nên những thay đổi về tầm nhìn, hiểu biết, qua đó tạo nên những thay đổi về chiến lược phát triển gia đình, kiến thức cuộc sống. Mặt khác, di cư cũng là một nguyên nhân gây ra tan vỡ gia đình. Một số gia đình có thay đổi vai trò giới khi nhiều trường hợp nam giới là người ở nhà nội trợ trong khi phụ nữ đi kiếm tiền khiến mâu thuẫn gia đình nảy sinh khi một trong hai vợ chồng không thể thích nghi với tái cấu trúc vai trò giới. Đối với phụ nữ đã kết hôn, di cư mang đến cơ hội thoát ra khỏi vai trò giới truyền thống, dễ dàng giảm sự kiểm soát trực tiếp của gia đình. Cấu trúc gia đình truyền thống của các gia đình di cư cũng phải tái cấu trúc lại theo hướng một người vợ hoặc chồng vắng mặt và người ở lại phải thích nghi và thực hiện các vai trò giới đôi khi

vốn không do họ đảm trách. Vị trí kinh tế của phụ nữ di cư cũng thay đổi theo hướng chuyển từ nội trợ gia đình không được trả lương sang một người có thu nhập. Kiểu thay đổi này có khả năng tăng cường sự độc lập của phụ nữ và tăng cường vai trò của họ trong việc ra quyết định trong gia đình.

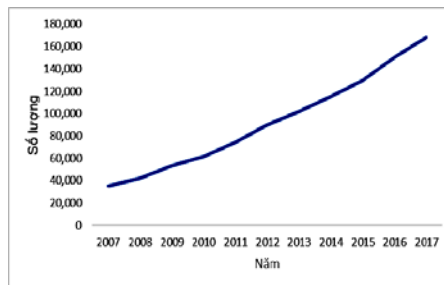
Mặt khác, những người đàn ông đã kết hôn di cư đến khu vực thành thị hoặc một khu vực mới khác có thể tìm kiếm các mối quan hệ tình dục mới. Do đó, quá trình di cư có thể dẫn đến bất hòa và chia tay và cuối cùng là ly hôn. Đàn ông có nhiều khả năng có mối quan hệ ngoài hôn nhân hơn phụ nữ. Đàn ông có thể tìm đối tác mới trong khu vực mới. Trong một số trường hợp, các mối quan hệ này không liên quan đến những vấn đề của hôn nhân như khó khăn kinh tế hoặc xung đột gia đình. Sự tan vỡ gia đình xảy ra khi ngoại tình trở nên nghiêm trọng như có con ngoài hôn nhân, bạo lực gia đình, hoặc một bên không chấp nhận tha thứ.

Bên cạnh đó, ly hôn do một bên mắc phải tệ nạn xã hội như nghiện ngập, tù tội, mất tích, xa cách dù không nhiều, thường là do điều kiện và hoàn cảnh khách quan cần phải chia tay, nhưng cũng là lí do của cả xã hội truyền thống và hiện đại (Hình 9). Ví dụ, một số phụ nữ bao gồm cả đã kết hôn và chưa kết hôn bị buôn bán qua biên giới và mất tích, khiến người chồng ở nhà buộc phải ly hôn để tái hôn. Một số người đi làm ăn xa và không liên hệ về gia đình trong một thời gian dài, nên người ở nhà phải ly hôn để tìm hạnh phúc mới, v.v. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút, nghiện rượu cũng là nguyên nhân tan vỡ của nhiều gia đình và thường các nguyên nhân này có liên quan đến nhiều nguyên nhân xung đột gia đình khác như bạo lực, kinh tế khó khăn, v.v.

Hình 9. Ly hôn vì tệ nạn xã hội, mất tích, xa cách, 1998-2017



Hình 10. Ly hôn vì khác biệt lối sống, 2007-2017



Cuối cùng là ly hôn do khác biệt lối sống tăng mạnh và tăng đều theo thời gian. Năm 2007, có 35.091 cuộc ly hôn vì khác biệt lối sống và đến 2017 là 167.989 cuộc, tăng lên gần 5 lần (Hình 10). Trước năm 2007, các lí do dẫn đến ly hôn của tòa án thường được ghi nhận dựa trên yếu tố “lỗi”

của một bên, như bạo lực, ngoại tình, khó khăn kinh tế, không con, nghiện ngập, v.v. và thực tế yếu tố không hợp về lối sống hay không còn tình yêu được đưa vào các lí do như chênh lệch trình độ, ngoại hình, tuổi tác. Sau năm 2007, ngoài các lí do trên, hệ thống ghi chép thụ lý hồ sơ ly hôn của tòa án các cấp đã bỏ sung lí do ly hôn khác biệt lối sống, tức là không dựa trên “lỗi” của một bên. Đây là lí do thể hiện mức độ cởi mở xã hội và dễ dàng chấp nhận hơn về mặt xã hội với ly hôn của Việt Nam vì cho phép đơn phương hay thuận tình ly hôn do không còn tình yêu. Thực tế số liệu ly hôn vì không hợp lối sống cho thấy sự chuyển biến mạnh từ ly hôn theo kiểu truyền thống, kiểu cũ sang ly hôn theo kiểu hiện đại hiện nay.

Vì sự khác biệt trong lối sống thường xuyên và ngày càng được coi là một lí do cho ly hôn, nó có thể là một lí do thực sự. Điều này có nghĩa là người Việt Nam ngày càng trở nên "cá nhân" hơn. Mặt khác, nó có thể được sử dụng như một lí do thuận tiện để thực hiện các thủ tục ly hôn trong một xã hội "hiện đại" trong đó việc ly hôn đã trở nên dễ dàng hơn. Các phỏng vấn sâu và nghiên cứu trường hợp các cá nhân ly hôn cho thấy, ly hôn vì sự khác biệt về lối sống đôi khi để che giấu những lí do thực tế hoặc những lí do khác như ngoại tình, hoặc xung đột gia đình. Ví dụ, xung đột và bạo lực gia đình có thể bắt nguồn từ những khác biệt nghiêm trọng trong lối sống và quan điểm. Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng cho thấy xung đột lối sống là một lí do cá nhân cho ly hôn xảy ra trong quá trình hiện đại hóa.

Khi thủ tục ly hôn trở nên dễ dàng hơn, các cặp vợ chồng có xu hướng lấy lí do xung đột lối sống là lí do chia tay và không nêu ra lí do thực sự để giữ gìn danh dự, hoặc đơn giản là vì không cần thiết.

Đồng thời, lí do ly hôn vì khác biệt lối sống có thể cho thấy sự thay đổi trong nền văn hóa gia trưởng coi trọng nam giới ở Việt Nam. Theo đó, từ chỗ có tâm lý cam chịu, hi sinh và khoan dung với hành vi của chồng, phụ nữ trở nên ít chấp nhận lối sống cũ. Khi ly hôn trở nên ngày càng dễ dàng hơn về mặt xã hội, ly hôn vì các lí do mang tính cá nhân như thế này tăng lên mạnh mẽ.

5. Kết luận

Công cuộc thay da đổi thịt của Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường và hiện đại hóa nền kinh tế cũng bắt đầu định hình lại lối sống cũng như các giá trị trong xã hội, trong đó có ly hôn. Ly hôn của Việt Nam đang dần tăng lên trong quá trình hiện đại hóa. Các lí do ly hôn đang chuyển dần từ các lí do mang dấu ấn của chế độ gia trưởng và lí do mang tính “có lỗi” trong hôn nhân như bạo lực gia đình, ngoại tình, không con cái, vv sang ly hôn mang màu sắc cá nhân và ít dựa trên cơ sở “có lỗi” hơn, như không phù hợp về lối sống. Tính cá nhân và tính tập thể là một chiều cạnh văn hóa

có quan hệ đến quy mô, mức độ và khuôn mẫu của ly hôn. Tính cá nhân, vốn rất bị hạn chế trong xã hội cũ, càng trở nên mạnh mẽ hơn trong cuộc sống hiện đại và trở thành một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến ly hôn tăng ngày nay. Trong khi đó, tính tập thể ngày càng yếu hơn.

Việc tồn tại cùng lúc các mức độ khác nhau của các giá trị truyền thống và hiện đại trong bối cảnh cái mới thì chưa hoàn thiện và cái cũ chưa mất hoàn toàn là khuôn mẫu chung của ly hôn ở Việt Nam hiện nay.

Nhìn chung, Việt Nam đang có cả lý do truyền thống và hiện đại dẫn đến ly hôn và trong quá trình chuyển đổi, một số nguyên nhân truyền thống và hiện đại được kết hợp. Có một hoặc nhiều lý do thực tế ẩn đằng sau các nguyên nhân được báo cáo tại tòa án. Thực ra, sự tan vỡ hôn nhân là sự kết hợp của nhiều nguyên nhân khác nhau. Dường như có xu hướng trái ngược đang tồn tại, khi mà rất nhiều giá trị truyền thống bị xóa mờ bởi các giá trị mới nhưng chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, trong khi những giá trị mới đang hình thành và nhân rộng hơn trong quá trình hiện đại hóa và nền xã hội chủ nghĩa theo định hướng thị trường. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Lời cảm ơn: Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Vấn đề ly hôn của các cộng đồng tộc người ở Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả xã hội”, mã số 504.05-2016.04, do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam (NAFOSTED) tài trợ.

⁽²⁾ CDR của một vùng/quốc gia trong một năm/giai đoạn cụ thể được tính bằng số cuộc ly hôn trên 1000 dân số của vùng/quốc gia trong một năm/giai đoạn đó.

⁽³⁾ GDR của một vùng/quốc gia trong một năm/giai đoạn cụ thể được tính bằng số cuộc ly hôn trên 1000 dân số từ 15 tuổi trở lên của vùng/quốc gia trong một năm/giai đoạn đó.

Tài liệu trích dẫn

- Beck, Ulrich. 1992. *Risk Society: Towards a New Modernity*. Sage Publication.
- Bose S. and South, S.J. 2003. “Sex composition of children and marital disruption in India”. *Journal of Marriage and Family*, Vol. 65 No. 4. pp.996-1006.
- Cho, Lee-Jay and Yada, Moto. 1994. *Tradition and change in the Asian family*. Honolulu: East West Center. University of Hawaii Press.
- Conger, Rand, Glen H. Elder, Jr., Frederick O. Lorenz, Katherine J. Conger, Ronald L. Simons, Les B. Whitbeck, Shirley Huck and Janet N. Melby. 1990. “Linking Economic Hardship to Marital Quality and Instability”. *Journal of Marriage and Family*, Vol. 52, No. 3 Aug., 1990, pp. 643-656. National Council on Family Relations.
- Cục Quản lý Lao động ngoài nước. 2019. Thống kê số lao động di cư làm việc ở nước ngoài.
- Goode, W.J. 1993. *World Changes in Divorce Patterns*. New Haven: Yale University Press.

- Goode, William J. 1963. *World Revolution and Family Patterns*. New York: Free Press.
- Goode, William J. 1971. "Family disorganization". pp. 467-544. In Robert K. Merton and Robert Nisbet eds., *Contemporary Social Problems*, 3rd ed., New York: Harcourt Brace Jovanovich.
- Jones, G. W. 2003. *The 'Flight from Marriage' in South-East and East Asia* pp.14. Singapore: Asian MetaCentre for Population and Sustainable Development Analysis.
- Jones, G.W. 1993. *Marriage and Divorce in Islamic Southeast Asia*. Oxford, UK: Oxford University Press.
- Jones, Gavin W. 1997. "Modernization and Divorce: Contrasting Trends in Islamic Southeast Asia and the West". *Population and Development Review*, Vol. 23, No. 1, pp. 95-114.
- Oyserman, Daphna, Coon, M. Heather, and Kimmelmeier, Markus. 2002. "Rethinking Individualism and Collectivism: Evaluation of Theoretical Assumptions and Meta-Analyses". *Psychological Bulletin*, Vol. 128, No. 1, pp.3-72.
- Teachman, Jay D., Polonko, K. A. and Scanzoni, J. 1987. "Demography of the family." Pp. 3-6. In: Marvin B. Sussman and S. K. Steinmetz eds., *Handbook of Marriage and the Family*. New York: Plenum Press.
- Thornton, Arland. 2001. "The Development Paradigm: Reading History Sideways, and Family Change." *Demography* 38:449-465.
- Tilson, D. and Larson, U. 2000. "Divorce in Ethiopia: The Impact of Early Marriage and Childlessness". *Journal of Biosocial Science*, 32, pp.355-372.
- Tòa án nhân dân tối cao. 2018. Thống kê thụ lý và giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm các năm.
- Trần Thị Minh Thi. 2011. "Divorce in the Rural Red River Delta: A Case Study of Individual Choices and the Forces of Tradition". In *Rural Families in DOIMOI Vietnam. English and Vietnamese*, edited by Trinh Duy Luân, Helle Rydstroom and Wil Burhoorn. Hanoi: Social Sciences Publishing House.
- Trần Thị Minh Thi. 2012. "Prevalence and Patterns of Divorce in Vietnam". *Journal of Family and Gender Studies*, Vol. 2.
- Tran Thi Minh Thi. 2014. *Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*. Social Sciences Publishing House.
- Trần Thị Minh Thi. 2019. Các giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay. Báo cáo tổng hợp. Chương trình Nghiên cứu tổng thể về gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Mã số KHXH-GĐ/16-19/10. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.